



Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU PHẢI LÀM
THỦ TỤC HẢI QUAN TẠI CỬA KHẨU NHẬP

*(Kèm theo Quyết định số 31/2026/QĐ-TTg
Ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Danh mục này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Nguyên tắc sử dụng danh mục này như sau:

1. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 4 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc nhóm 4 số này đều được áp dụng.
2. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 6 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc phân nhóm 6 số này đều được áp dụng.
3. Các trường hợp liệt kê chi tiết đến mã 8 số thì chỉ những mã 8 số đó được áp dụng.

II. DANH MỤC HÀNG HÓA

TT	Mô tả hàng hóa	Mã hàng
1	Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm	
	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá	2401
	Xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu, từ lá thuốc lá hoặc từ các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá	2402
	Lá thuốc lá đã chế biến khác và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến khác; thuốc lá “thuần nhất” hoặc thuốc lá “hoàn nguyên”; chiết xuất và tinh chất lá thuốc lá	2403
2	Rượu	
	Rượu vang làm từ nho tươi, kể cả rượu vang cao độ; hèm nho trừ loại thuộc nhóm 20.09	2204
	Rượu Vermouth và rượu vang khác làm từ nho tươi đã pha thêm hương liệu từ thảo mộc hoặc chất thơm	2205
	Đồ uống đã lên men khác (ví dụ, vang táo, vang lê, vang mật ong, rượu sa kê); hỗn hợp của đồ uống đã lên men và hỗn hợp của đồ uống đã lên men với đồ uống không chứa cồn, chưa chi tiết hay ghi ở nơi khác	2206

	Cồn etylic chưa biến tính có nồng độ cồn từ 80% trở lên tính theo thể tích; etylic và rượu mạnh khác, đã biến tính, ở mọi nồng độ	2207
	Cồn etylic chưa biến tính có nồng độ cồn dưới 80% tính theo thể tích; rượu mạnh, rượu mùi và đồ uống có rượu khác	2208
3	Bia sản xuất từ malt	2203
4	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi	8702 8703
5	Máy bay, du thuyền	
5.1	Máy bay	8802.20.10 8802.30.10 8802.40.10
5.2	Tàu thủy chở khách, thuyền, xuồng du lịch và các tàu thuyền tương tự được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người; phà các loại	8901.10
	Du thuyền hạng nhẹ và các loại tàu thuyền khác phục vụ nghỉ ngơi, giải trí hoặc thể thao; thuyền dùng mái chèo và canô	89.03
6	Xăng các loại	
6.1	Xăng động cơ, không pha chì	2710.12.21 2710.12.22 2710.12.23 2710.12.24 2710.12.25 2710.12.26 2710.12.27 2710.12.28 2710.12.29
6.2	Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực	2710.12.31 2710.12.39
7	Máy điều hòa không khí, có công suất từ 90.000 BTU trở xuống	8415
8	Bộ bài	9504.40.00
9	Giấy vàng mã	4823.90.92

10	Tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp theo Danh mục do Bộ Công Thương quy định	
10.1	Tiền chất thuốc nổ	
	Amoni nitrat ($\text{NH}_4 \text{NO}_3$) $\geq 98,5\%$ trừ dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3102.30.00
	Amoni nitrat ($\text{NH}_4 \text{NO}_3$) $\geq 98,5\%$ dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3105.10.90
	Nitro Metan (CH_3NO_2) $\geq 96\%$	2904.20.90
	Natri Nitrat (NaNO_3) $\geq 98,5\%$ trừ dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3102.50.00
	Natri Nitrat (NaNO_3) $\geq 98,5\%$ ở dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3105.10.90
	Kali Nitrat (KNO_3) $\geq 98,5\%$	2834.21.00
	Natri Clorat (NaClO_3) $\geq 84,0\%$	2829.11.00
	Kali Clorat (KClO_3) $\geq 98,5\%$	2829.19.00
	Kali Perclorat (KClO_4) $\geq 98,5\%$	2829.90.90
10.2	Vật liệu nổ công nghiệp (thuốc nổ công nghiệp, mìn nổ, kíp nổ, dây nổ, hạt nổ, dây LIL các loại)	
	Kíp nổ đốt số 8	3603.40.00
	Kíp nổ điện số 8	3603.60.00
	Kíp nổ điện vi sai	
	Kíp nổ điện vi sai an toàn	
	Kíp nổ vi sai an toàn Carrick-8	3603.40.00
	Kíp nổ vi sai phi điện	
	Kíp vi sai phi điện MS 15 số	
	Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP	

Kíp nổ vi sai phi điện an toàn sử dụng trong mỏ hầm lò có khí Mêtan		
Kíp nổ điện tử Uni tronic 600 (3603.60.00 - mô tả hàng hoá là kíp nổ điện tử)	3603.60.00	
Dây cháy chậm công nghiệp	3603.10.00	
Dây dẫn tín hiệu nổ	3603.20.00	
Dây nổ chịu nước 5, 6, 10, 12, 40, 70 (g/m)		
Dây nổ thường		
Dây dẫn tín hiệu Conectadets		
Thuốc nổ amonit AD1	3602.00.00	
Thuốc nổ TNP1		
Thuốc nổ Anfo		
Thuốc nổ Anfo chịu nước		
Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên		
Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên		
Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ		
Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng		
Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ		
Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói		
Môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp		
Mìn phá đá quá cỡ		9603.90.10
Thuốc nổ Senatel Powersplit		3602.00.00
Hexogen (G, DX, T4, Cyclotrimethylen - Trinitramin) Công thức hóa học: $C_3H_6N_6O_6$; $C_6H_2N_6N_3(NO_2)_3$.		
Trinitrotoluen (TNT) Công thức hóa học: $C_6H_2(NO_2)_3CH_3$.		

	<p>Octogen (HMX - Cyclotetramethylene tetratramine, Homocyclonit) Công thức hóa học: $C_4H_8N_8O_8$.</p>	
	<p>Pentrit (Pentaerythrol - Tetranitrate, Tetranitro pentaeritrit, Corpent, PENT hoặc TEN) Công thức hóa học: $C(CH_2ONO_2)_4$; $C_5H_8(ONO_2)$.</p>	
11	Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh do Chính phủ ban hành	
12	Hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia, vùng lãnh thổ có cảnh báo về nguy cơ dịch bệnh theo thông báo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	